

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – KẾT NỐI TRI THỨC

LỚP 10 – ĐỊNH HƯỚNG CS.

THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn – D1			“Đúng – sai” – D2						Tổng			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 5. Giải quyết với sự trợ giúp của máy tính.	Bài 24: Xâu kí tự		1	1		2 (1a, 1b)	2 (1c, 1d)		2	2		5	3	20.0% (2.0 điểm)
2		Bài 25: Một số lệnh làm việc với xâu kí tự			2			4 (2a, b, c, d)		2	2		2	8	25% (2.5 điểm)
3		Bài 26: Hàm trong Python	2	1	1	1 (3a)	1 (3b)		4			7	2	1	25% (2.5 điểm)
4		Bài 27: Tham số của hàm		1	1	1 (3c)	1 (3d)					1	2	1	10% (1.5 điểm)

5		Bài 28: Phạm vi của biến		1	1		4 (4a, 4b, 4c, 4d)				3(ES)		5	1	15% (1.5 điểm)
		Tổng số câu	2	4	6	2	8	6	4	4	4	8	16	16	
		Tổng số điểm	3.0			4.0			3.0						10
		Tỉ lệ %	70%						30%			20%	40%	40%	

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lệnh hỏi, mỗi câu hỏi đúng/sai ở dạng 2 tương đương 4 lệnh hỏi, mỗi câu hỏi tự luận tương đương với 4 ý hỏi.

Bảng đặc tả

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở mức độ đánh giá								
				TNKQ						Thực hành/Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – sai”					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 5. Giải quyết với sự trợ giúp của máy tính.	Bài 24: Xâu kí tự	Thông hiểu: - Hiểu được xâu kí tự là kiểu dữ liệu cơ bản của Python Vận dụng: - Biết và thực hiện được lệnh for để xử lý xâu kí tự. - Thực hành được một số phương thức đơn giản trên dữ liệu xâu		1 (CC1)	1 (CC1)		2 (CC1) (1a, 1b)	2 (CC1) (1c, 1d)			
2		Bài 25: Một số lệnh làm việc với xâu kí tự	Vận dụng: - Biết và thực hiện được một số lệnh thường dùng với xâu kí tự - Thực hành được một số phương thức đơn giản trên dữ liệu xâu			2 (CC1)			4 (CC1) (2a, b, c, d)			
3		Bài 26: Hàm trong Python	Nhận biết: - Biết được chương trình con là hàm Vận dụng: - Biết cách tạo hàm	2 (CC1)	1 (CC1)	1 (CC1)	1 (CC1) (3a)	1 (CC1) (3b)				

			- Thực hành một số ví dụ đơn giản với hàm trong python								
4		Bài 27: Tham số của hàm	Thông hiểu: - Biết cách thiết lập các tham số của hàm. - Hiểu được cách truyền giá trị thông qua đối số hàm. Vận dụng: - Biết viết chương trình có sử dụng chương trình con		1 (CC1)	1 (CC1)	1 (CC1) (3c)	1 (CC1) (3d)			
5		Bài 28: Phạm vi của biến	Thông hiểu: - Biết và trình bày được ý nghĩa của phạm vi hoạt động của biến trong chương trình và hàm.		1 (CC1)	1 (CC1)		4 (CC1) (4a, 4b, 4c, 4d)			3(ES)
Tổng số câu				2	4	6	2	8	6	4	4
Tổng số điểm				3,0			4,0			3,0	
Tỉ lệ %				30%			40%			30%	

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – KẾT NỐI TRI THỨC
LỚP 11 – ĐỊNH HƯỚNG ICT.
THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn – D1			“Đúng – sai” – D2						Tổng			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 1. Máy tính và xã hội tri thức	Bài 1. Hệ điều hành. Bài 2: thực hành sử dụng hệ điều hành	1 (AC5)	1 (AC5)	1 (AC5)	1 (AC5) (1a)	1 (AC5) (1b)	1 (AC5) (1c)			4 (1 Câu)	2	2	6	25.0% (2.5 điểm)
2		Bài 3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên internet	1 (AC4)	1 (AC4)		1 (AC4) (1d)						2	1		7.5% (0.75 điểm)
3		Bài 4: Bên trong máy tính		1 (AS2)		1 (AS2) (2a)	1 (AS2) (2b)					1	2		7.5% (0.75 điểm)
4		Bài 5. Kết nối máy tính với thiết bị số		1 (AI1)		1 (AI1) (2c)		1 (AI1) (2d)				1	2		7.5% (0.75 điểm)
5	Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 6. Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên internet	1 (AI2)		1 (AC7)	1 (AI2) (3a)	1 (AI2) (3b)				4 (1 Câu)	2	1	1	10% (1.0 điểm)

6		Bài 7. Thực hành tìm kiếm thông tin trên internet			1 (AC7)			1 (AI2) (3c)						2	5% (0.5 điểm)
7		Bài 8. Thực hành nâng cao sử dụng thư điện tử và mạng xã hội						1 (AI2) (3d)						1	2,5% (0.25 điểm)
8	Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số.	Bài 9. Giao tiếp an toàn trên internet		1 (BC4)	1 (BC7)	1 (BC4) (4a)	1 (BC4) (4b)	2 (BC7) (4c, 4d)			4 (1 Câu)	1	2	7	25% (2.5 điểm)
		Tổng số câu	3	5	4	4	4	8	4	4	4	11	13	16	
		Tổng số điểm	3.0			4.0			3.0						10
		Tỉ lệ %	70%						30%			27,5%	32,5%	40%	

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lệnh hỏi, mỗi câu hỏi dạng 1 có 1 đáp án đúng mỗi câu 0.25đ, mỗi câu hỏi đúng/sai ở dạng 2 tương đương 4 lệnh hỏi mỗi lệnh hỏi 0.25đ, mỗi câu hỏi tự luận 1 điểm .

Bảng đặc tả

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở mức độ đánh giá								
				TNKQ						Thực hành/Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – sai”					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1. Máy tính và xã hội tri thức	Bài 1. Hệ điều hành. Bài 2: thực hành sử dụng hệ điều hành	Nhận biết: - Sơ bộ nắm được lịch sử phát triển của các hệ điều hành thông dụng cho máy tính cá nhân (PC), một hệ điều hành thương mại và một hệ điều hành nguồn mở. Thông hiểu: - Hiểu được đặc điểm của hệ điều hành cho thiết bị di động. - Hiểu được một cách khái quát mối quan hệ giữa phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng cũng như vai trò của mỗi thành phần trong hoạt động chung của cả hệ thống. - Trình bày được nội dung kiến thức kể trên. Vận dụng: - Sử dụng được một số chức năng cơ bản của hệ điều hành cho máy tính cá nhân. - Sử dụng được một vài tiện ích của hệ điều hành nâng cao hiệu quả của máy tính cá nhân. - Sử dụng được một vài tiện ích cơ bản của hệ điều hành trên thiết bị di động.	1 (AC5)	1 (AC5)	1 (AC5)	1 (AC5) (1a)	1 (AC5) (1b)	1 (AC5) (1c)			1 Câu

2		Bài 3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên internet	Nhận biết: - Trình bày được một số khái niệm phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại. - Biết được phần mềm chạy trên Internet và lợi ích của chúng. Hiểu: - Nắm được sự khác nhau giữa phần mềm nguồn mở với phần mềm thương mại. - Hiểu được vai trò của phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại đối với sự phát triển của công nghệ thông tin.	1 (AC4)	1 (AC4)		1 (AC4) (1d)					
3		Bài 4: Bên trong máy tính	Nhận biết: - Nhận diện được một số thiết bị trong thân máy, nắm được chức năng và các thông số do hiệu năng của chúng. - Nhận biết được sơ đồ của các mạch logic AND, OR, NOT Hiểu: - Giải thích được vai trò của các mạch logic đó trong thực hiện các tính toán nhị phân.		1 (AS2)		1 (AS2) (2a)	1 (AS2) (2b)				
4		Bài 5. Kết nối máy tính với thiết bị số	Nhận biết: - Biết một số thông số cơ bản của thiết bị vào - ra thông dụng. - Biết cách kết nối với máy tính cũng như tùy chỉnh được một số chức năng cơ bản để nâng cao hiệu quả và đáp ứng nhu cầu sử dụng. Thông hiểu: - Đọc hiểu và giải thích được một số thông số cơ bản của các thiết bị số thông dụng trong các tài liệu để kết nối chúng với máy tính.		1 (AI1)		1 (AI1) (2c)	1 (AI1) (2d)				

5	Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 6. Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên internet	Nhận biết: - Nắm được kiến thức chung về công cụ để lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên mạng Internet. Vận dụng: - Sử dụng được một số công cụ trực tuyến như Google Drive hay Drop Box... để lưu trữ và chia sẻ tệp tin.	1 (AI2)		1 (AC7)	1 (AI2) (3a)	1 (AI2) (3b)				1 Câu
6		Bài 7. Thực hành tìm kiếm thông tin trên internet	Vận dụng: - Nắm được kiến thức chung về tìm kiếm thông tin trên Internet.			1 (AC7)			1 (AI2) (3c)			
		Bài 8. Thực hành nâng cao sử dụng thư điện tử và mạng xã hội	Vận dụng: - Biết đánh dấu và phân loại thư điện tử. - Khai thác được một số chức năng nâng cao của mạng xã hội.						1 (AI2) (3d)			
	Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số.	Bài 9. Giao tiếp an toàn trên internet	Hiểu: - Nêu được một số dạng lừa đảo phổ biến trên không gian số và những biện pháp phòng tránh. Vận dụng: - Biết giao tiếp một cách văn minh, phù hợp với các quy tắc và văn hóa ứng xử trong môi trường số.		1 (BC4)	1 (BC7)	1 (BC4) (4a)	1 (BC4) (4b)	2 (BC7) (4c, 4d)			1 câu
Tổng số câu				3	5	4	6	4	6	4	4	4
Tổng số điểm				3,0			4,0			3,0		
Tỉ lệ %				30%			40%			30%		

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – KẾT NỐI TRI THỨC
LỚP 11 – ĐỊNH HƯỚNG CS.
THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn – D1			“Đúng – sai” – D2						Tổng			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 5. HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC	Nghề quản trị cơ sở dữ liệu		1 (BC6)	1 (BC6)	2 (BC6) (1a,1b)	1 (BC6) (1c)	1 (BC6) (1d)	1	2	1	3	4	2	22,5% (2.25 điểm)
2	Chủ đề F. GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU (CẢNH ĐIỀU)	Bài toán quản lý và cơ sở dữ liệu.	1 (CC5)	2 (CC5)		2 (CC5) (2a,2b)	2 (CC5) (2c,2d)		1	1	(1 câu)	4	5		22,5% (2.25 điểm)
3		Bảng và khóa chính trong cơ sở dữ liệu quan hệ	1 (CC5)	2 (CC5)		1 (CC5) (3a)	1 (CC5) (3b)		1	1		3	4		17.5% (1.75 điểm)
4		Quan hệ giữa các bảng và khóa ngoài trong cơ sở dữ liệu quan hệ	1 (CC5)	1 (CC5)			2 (CC5) (3c, 3d)		1	1	(1 câu)	2	4		15% (1,5 điểm)

5		Các biểu mẫu cho xem và cập nhật dữ liệu	1 (CC5)	1 (CC5)		2 (CC5) (4a, 4b)	2 (CC5) (4c, 4d)		1	1		4	4		20% (2.0 điểm)
		Tổng số câu	4	7	1	7	8	1	4	8	0	15	23	1	
		Tổng số điểm	3.0			4.0			3.0						10
		Tỉ lệ %	70%						30%			37,5%	57,5%	2,5%	

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lệnh hỏi, mỗi câu hỏi dạng 1 có 1 đáp án đúng mỗi câu 0.25đ, mỗi câu hỏi đúng/sai ở dạng 2 tương đương 4 lệnh hỏi mỗi lệnh hỏi 0.25đ, mỗi câu hỏi tự luận 1 điểm.

Bảng đặc tả

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở mức độ đánh giá								
				TNKQ						Thực hành/Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – sai”					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 5. HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC	Nghề quản trị cơ sở dữ liệu	Thông hiểu: - Hiểu được các công việc cần thực hiện cùng các kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản trị CSDL, các ngành học có liên quan và nhu cầu xã hội đối với công việc quản trị CSDL. Vận dụng: - Có thể tìm kiếm, khai thác và trao đổi thông tin hướng nghiệp liên quan đến công việc quản trị CSDL.		1 (BC6)	1 (BC6)	2 (BC6) (1a,1b)	1 (BC6) (1c)	1 (BC6) (1d)	1	2	1 (1 Câu)
2	Chủ đề F. GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU (CẢNH DIỆU)	Bài 1. Bài toán quản lý và cơ sở dữ liệu.	Nhận biết: - Nhận biết được nhu cầu lưu trữ và khai thác thông tin cho bài toán quản lý. - Nêu được những khái niệm cơ bản của hệ Cơ sở dữ liệu. Thông hiểu: Giải thích được các khái niệm đó qua ví dụ minh họa.	1 (CC5)	2 (CC5)		2 (CC5) (2a,2b)	2 (CC5) (2c,2d)		1	1	(1 câu)
3		Bài 2. Bảng và khóa chính trong cơ sở dữ liệu quan hệ	Nhận biết: - Diễn đạt được khái niệm quan hệ (bảng) và khóa của một quan hệ. - Biết được các phần mềm quản trị CSDL có cơ chế kiểm soát các cập nhật dữ liệu để đảm bảo rằng buộc khóa. Thông hiểu:	1 (CC5)	2 (CC5)		1 (CC5) (3a)	1 (CC5) (3b)		1	1	

			Giải thích được các khái niệm đó qua ví dụ minh họa. - Giải thích được ràng buộc khóa là gì.									
4		Bài 3. Quan hệ giữa các bảng và khóa ngoài trong cơ sở dữ liệu quan hệ	Nhận biết: - Diễn đạt được khái niệm khóa ngoài của một bảng và mối liên kết giữa các bảng. Thông hiểu: - Giải thích được các khái niệm đó qua ví dụ minh họa. - Giải thích ràng buộc khóa ngoài là gì. - Biết được các phần mềm quản trị CSDL có cơ chế kiểm soát các cập nhật dữ liệu để đảm bảo ràng buộc khóa ngoài.	1 (CC5)	1 (CC5)			2 (CC5) (3c, 3d)		1	1	1 câu
5		Bài 4. Các biểu mẫu cho xem và cập nhật dữ liệu	Nhận biết: - Diễn đạt được khái niệm biểu mẫu trong các CSDL và ứng dụng CSDL. Thông hiểu: - Giải thích được những ưu điểm khi người dùng xem và cập nhật dữ liệu cho CSDL thông qua biểu mẫu.	1 (CC5)	1 (CC5)		2 (CC5) (4a, 4b)	2 (CC5) (4c, 4d)		1	1	
Tổng số câu				4	7	1	7	8	1	4	8	0
Tổng số điểm				3,0			4,0			3,0		
Tỉ lệ %				30%			40%			30%		

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
LỚP 12 – ĐỊNH HƯỚNG ICT.
THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn – D1			“Đúng – sai” – D2						Tổng			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	F1. HTML và trang web	2 (CC3)	2 (CC10)		2 (CC3) (1a, 1b)	2 (CC10) (1c, 1d)		4 (CC3)			4	4		20% (2 điểm)
2		F2. Tạo và định dạng trang web với các thẻ HTML			2 (CC11)		2 (CC11) (2a, 2b)	2 (CC11) (2c, 2d)		1 (CC11)	1 (CC11)		1	6	17.5% (1.75 điểm)
3		F3. Tạo bảng và khung trong trang web với HTML			2 (CC11)			2 (CC11) (3a, 3b)		1 (CC11)	1 (CC11)		1	6	17.5% (1.75 điểm)
4		F4. Thêm dữ liệu đa phương tiện vào trang web			2 (CC11)			2 (CC11) (3c, 3d)		1 (CC11)	1 (CC11)		1	6	17.5% (1.75 điểm)
5		F5. Tạo biểu mẫu trong trang web			2 (CC11)			4 (CC11) (4a, 4b, 4c, 4d)		1 (CC11)	1 (CC11)		1	6	17.5% (1.75 điểm)

		Tổng số câu	2	2	8	2	3	11	4	4	4	8	9	23	
		Tổng số điểm	3.0			4.0			3.0						10
		Tỉ lệ %	70%						30%			20%	27,5%	52,5%	

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lệnh hỏi, mỗi câu hỏi dạng 1 có 1 đáp án đúng mỗi câu 0.25đ, mỗi câu hỏi đúng/sai ở dạng 2 tương đương 4 lệnh hỏi mỗi lệnh hỏi 0.25đ, mỗi câu hỏi tự luận 1 điểm.

Bảng đặc tả

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở mức độ đánh giá								
				TNKQ						Thực hành/Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – sai”					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	F1. HTML và trang web	Nhận biết: – Khái niệm ngôn ngữ HTML và lịch sử phát triển. Hiểu: – Hiểu và giải thích được cấu trúc của một trang web dưới dạng HTML.	2 (CC3)	2 (CC10)		2 (CC3) (1a, 1b)	2 (CC10) (1c, 1d)				
2		F2. Tạo và định dạng trang web với các thẻ HTML	Hiểu: – Hiểu được ý nghĩa của các thẻ HTML để trình bày trang web, định dạng văn bản, phong chữ, tạo liên kết, danh sách Vận dụng: – Sử dụng được các thẻ HTML để trình bày trang web. – Định dạng văn bản, phong chữ, tạo liên kết, danh sách.			2 (CC11)		2 (CC11) (2a, 2b)	2 (CC11) (2c, 2d)			
3		F3. Tạo bảng và khung trong trang web với HTML	Vận dụng: – Sử dụng được các thẻ HTML để tạo bảng và khung.			2 (CC11)			2 (CC11) (3a, 3b)			

4	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	F4. Thêm dữ liệu đa phương tiện vào trang web	Vận dụng: – Sử dụng được các thẻ HTML để nhúng ảnh, video và âm thanh vào trang web.			2 (CC11)			2 (CC11) (3c, 3d)			
5		F5. Tạo biểu mẫu trong trang web	Vận dụng: – Sử dụng được các thẻ HTML để tạo mẫu biểu trong trang web.			2 (CC11)			4 (CC11) (4a, 4b, 4c, 4d)			(3 ES)
Tổng số câu				2	2	8	2	4	10	4	4	4
Tổng số điểm				3,0			4,0			3,0		
Tỉ lệ %				30%			40%			30%		

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
LỚP 12 – ĐỊNH HƯỚNG CS.
THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn – D1			“Đúng – sai” – D2						Tổng			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	F7. Giới thiệu CSS	2 (CC12)			2 (CC12) (1a, 1b)			2 (CC12)			6		6	15.0% (1.5 điểm)
2		F8. Một số thuộc tính cơ bản của CSS			2 (CC13)			2 (CC13) (1c, 1d)			2 (CC13)			7	17.5% (1.75 điểm)
3		F9. Một số kỹ thuật định kiểu bằng vùng chọn trong CSS			2 (CC13)			2 (CC13) (2a, 2b)			2 (CC13)			7	17.5% (1.75 điểm)
4		F10. Định kiểu cho siêu liên kết và danh sách			2 (CC13)			2 (CC13) (2c, 2d)			2 (CC13)			6	15.0% (1.5 điểm)
5	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	F11. Định kiểu cho bảng và phần tử <div>			2 (CC13)			4 (CC13) (3a, 3b, 3c, 3d)			2 (CC13)			7	17.5% (1.75 điểm)

6		F12. Định kiểu CSS cho biểu mẫu			2 (CC13)			4 (CC13) (4a, 4b, 4c, 4d)			2 (CC13) (3ES)			7	17.5% (1.75 điểm)
		Tổng số câu	2	0	10	2	0	14	2	0	10	6	0	34	
		Tổng số điểm	3.0			4.0			3.0						10
		Tỉ lệ %	70%						30%			15%	0%	85%	

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lệnh hỏi, mỗi câu hỏi dạng 1 có 1 đáp án đúng mỗi câu 0.25đ, mỗi câu hỏi đúng/sai ở dạng 2 tương đương 4 lệnh hỏi mỗi lệnh hỏi 0.25đ, mỗi câu hỏi tự luận 1 điểm.

Bảng đặc tả

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở mức độ đánh giá								
				TNKQ						Thực hành/Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – sai”					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề F: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính.	F7. Giới thiệu CSS	Nhận biết: – Biết được ngôn ngữ CSS – Biết được các cách bổ sung mã lệnh CSS trong một trang web.	2 (CC12)			2 (CC12) (1a, 1b)			2 (CC12)		
2		F8. Một số thuộc tính cơ bản của CSS	Vận dụng: – Sử dụng được một số thuộc tính cơ bản của CSS như màu sắc, phông chữ, nền, đường viền, kích cỡ ..			2 (CC13)			2 (CC13) (1c, 1d)			2 (CC13)
3		F9. Một số kỹ thuật định kiểu bằng vùng chọn trong CSS	Vận dụng: – Sử dụng được các yếu tố của vùng chọn (selector) như class, id, tag, ...			2 (CC13)			2 (CC13) (2a, 2b)			2 (CC13)
4		F10. Định kiểu cho siêu liên kết và danh sách	Vận dụng: – Thực hiện được việc định kiểu CSS cho siêu liên kết và danh sách.			2 (CC13)			2 (CC13) (2c, 2d)			2 (CC13)

5	Chủ đề F: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính.	F11. Định kiểu cho bảng và phần tử <div>	Vận dụng: – Thực hiện được việc định kiểu CSS cho bảng và phần tử <div>			2 (CC13)			4 (CC13) (3a, 3b, 3c, 3d)			2 (CC13)
6		F12. Định kiểu CSS cho biểu mẫu	Vận dụng: – Thực hiện được việc định kiểu CSS cho biểu mẫu.			2 (CC13)			4 (CC13) (4a, 4b, 4c, 4d)			2 (CC13) (3ES)
Tổng số câu				2	0	10	2	0	14	2	0	10
Tổng số điểm				3,0			4,0			3,0		
Tỉ lệ %				30%			40%			30%		